|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 02/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019* |

**­­­­­**

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 05/01/2019 đến ngày 10/01/2019*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Mạ chiêm xuân sớm | Gieo – 3 lá, 5 lá –nhổ cây | 3.823 |
| - Lúa sạ | Gieo – đẻ nhánh  |  |
|  | Lúa cấy – bén rễ hồi xanh  | 6.109 |
| - Ngô đông | Phát triển bắp, thu hoạch | 57.548 |
| - Rau họ hoa thập tự | Phát triển thân lá - thu hoạch | 19.698 |
| - Cà chua | Hoa, quả non - thu hoạch | 576 |
| - Khoai tây | Phát triển củ - thu hoạch | 8.235 |
| - Lạc | Phát triển củ - thu hoạch | 428 |
| - Đậu tương | Phát triển quả - thu hoạch | 1.016 |
| - Cam, quýt, bưởi | Phát triển quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Chăm sóc - PT lộc | 74.805 |
| - Mía | Tích lũy đường - thu hoạch | 11.128 |
| - Sắn | Phát triển củ - thu hoạch | 32.227 |
| - Chè | Thu hái - đốn | 92.500 |
| - Cà phê | Thu hoạch - phân hóa mầm hoa | 23.798 |
| - Cao su | Kiến thiết cơ bản | 24.337 |
| - Thông  | PTTL - KD | 122.017 |
| - Quế  | KD | 65.523 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| * Mạ
 |  | 1.480 |
| - Lúa Đông - Xuân | Lúa sạ, cấy  | 22.501 |
| - Ngô  | Gieo - Cây con - trỗ cờ | 18.967 |
| - Cây lạc | Thu hoạch | 1.948 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá - TH | 15.492 |
| - Cam, chanh, bưởi | Quả già – thu hoạch | 22.433 |
| - Mía | Vươn lóng – thu hoạch | 54.208 |
| - Hồ tiêu | Phát triển quả | 3.656,5 |
| - Cà phê | PTMH – Ra hoa | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 79.631 |
| - Chè | KTCB - KD | 11.538 |
| - Cây sắn | Thu hoạch | 44.073 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Đậu các loại | Thu hoạch | 8.428 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** |  **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | **226.627** |
| *Lúa Mùa*  | *Chín - Thu hoạch* | 16.293 |
| *Lúa Đông Xuân sớm* | *Đẻ nhánh* | *62.821* |
| *Lúa Đông Xuân chính vụ* | *Gieo sạ - mạ* | *147.513* |
| - Cây cà phê | Thu hoạch - Chăm sóc  | 626.932 |
| - Tiêu | Nuôi quả - chắc quả | 96.994.5 |
| - Cây điều | Ra hoa - đậu quả | 116.205 |
| - Cao su | Khai thác mủ | 295.631 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 41.868 |
| - Đậu đỗ | Cây con; Chắc quả - thu hoạch | 9.182 |
| - Lạc vụ  | Cây con; Gieo tỉa cây con - PTTL | 4.771 |
| - Ngô | Cây con-PTTL; Thâm râu- thu hoạch | 34.988 |
| - Cây sắn | *Nuôi củ - thu hoạch* | 214.693 |
|  | *Cây con - PTTL* | 9.890 |
| - Mía | Tích lũy đường – Chín sinh lý - thu hoạch | 108.003 |
| - Thanh long | Chăm sóc - thu hoạch | 29.327 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc, trồng mới | 12.070 |
| - Cây chè | Thu hoạch | 13.691 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Thu Đông - Mùa 2018 |  | **963.398** |
|  | *Đã thu hoạch* | *854.661* |
|  | *Đòng trỗ - chín* | *108.737* |
| - Lúa Đông–Xuân 2018- 2019 |  | **1.521.206** |
|  | *Mạ* | *228.547* |
|  | *Đẻ nhánh* | *578.052* |
|  | *Đòng – trỗ* | *525.380* |
|  | *Chín* | *151.879* |
|  | *Thu hoạch* | *37.348* |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 19.618 |
| - Cây có múi | Nuôi quả - thu hoạch | 102.657 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 20.017 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, PT thân lá | 28.943 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – nuôi quả | 36.767 |
| - Cây hồ tiêu | PT quả – nuôi quả | 50.803 |
| - Cây điều | PT ra lộc – PT quả | 183.444 |
| - Cây dừa | PT quả – thu hoạch | 151.798 |
| - Cây sắn | Phát triển củ – thu hoạch | 57.737 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh – vươn lóng | 25.230 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 31.084 ha (tăng 6.567 ha so với kỳ trước, tăng 17.206 ha so với CKNT), nhiễm nặng 661 ha, diện tích phòng trừ 410 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, An Giang, Long An, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng…

***- Bệnh VL-LXL:*** nhiễm nhẹ 15 ha, tỷ lệ 5-10% trên giống lúa IR 50404, giai đoạn trỗ đều ở huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 31.939 ha (tăng 12.098 ha so với kỳ trước, tăng 17.655 ha so với CKNT), nặng 65 ha. Diện tích phòng trừ 280 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Đồng Nai, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh…

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 4.514 ha (tăng 95 ha so với kỳ trước, giảm 1.377 ha so với CKNT. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Tháp, Đồng Nai, Khánh Hòa, An Giang, Sóc Trăng, …

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 3.211 ha (giảm 2.873 ha so với kỳ trước, giảm 14 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long …

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 7.847 ha (tăng 1.140 ha so với kỳ trước, giảm 1.863 ha so với CKNT), phòng trừ 72 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long …

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 6.439 ha (tăng 2.900 ha so với kỳ trước, giảm 5.080 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 6.343 ha (tăng 2.347 ha so với kỳ trước, tăng 2.841 ha so với CKNT) phòng trừ 34 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Chuột****:* Diện tích hại 2.889 ha (tăng 1.423 ha so với kỳ trước, tăng 124 ha so với CKNT) phòng trừ 134. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Ốc bươu vàng****:* Diện tích hại 3.305 ha (tăng 877 ha so với kỳ trước, giảm 2.943 ha so với CKNT) phòng trừ 3.102 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.3. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 4.354 ha (tăng 22 ha so với kỳ trước, giảm 1.863 ha so với CKNT) phòng trừ 72 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 3.321 ha (giảm 34 ha so kỳ trước, giảm 151 ha so với CKNT), nhiễm nặng 04 ha, phòng trừ 2.635 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.5. Cây ăn quả có múi:** Bệnh Greening diện tích nhiễm 2.975 ha (tăng 150 ha so với kỳ trước, tăng 321 ha so với CKNT), nặng 99 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bình Phước, Nghệ An.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 9.907 ha (giảm 5 ha so với kỳ trước, giảm 526 ha so với CKNT), nặng 844 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh…

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.195 ha (giảm 298 ha so với kỳ trước, giảm 2.016 ha so với CKNT), nhiễm nặng 598 ha. Diện tích phòng trừ 674 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 3.874 ha (giảm 06 ha so với kỳ trước, giảm 792 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.011 ha. Diện tích phòng trừ 724 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Dương, Phú Yên, Khánh Hòa…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 1.797 ha (giảm 717 ha so với kỳ trước, giảm 711 ha so với CKNT), nhiễm nặng 153 ha. Diện tích phòng trừ 871 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Lâm Đồng...

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 13.592 ha (tăng 668 ha so với kỳ trước, giảm 1.442 ha so CKNT), nhiễm nặng 73 ha, phòng trừ 11.797 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 9.270 ha (tăng 50 ha so với kỳ trước, giảm 262 ha so CKNT), nhiễm nặng 30 ha, phòng trừ 10.789 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Gia Lai...

***-*** ***Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 3.500 ha (giảm 613 ha so với kỳ trước, tăng 3.500 ha so với CKNT), nhiễm nặng 850 ha, phòng trừ 2.650 ha. Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè: *Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 2.045 ha (giảm 08 ha so với kỳ trước, giảm 577 ha so với CKNT), phòng trừ 1.831 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Gia Lai…

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 18.779 ha (tăng 913 ha so với kỳ trước, tăng 11.639 ha so với CKNT) phòng trừ 143, nhiễm nặng 6.806 ha.

Bệnh xuất hiện và gây hại tại 13 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Phú Yên, Kon Tum và Lâm Đồng (Bà Rịa Vũng Tàu không còn diện tích nhiễm).

**1.11. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 21.714 ha (tăng 598 ha so với kỳ trước, tăng 1.600 ha so với CKNT), nặng 06 ha, phòng trừ 9.071 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa -Vũng Tàu, Gia Lai, Lâm Đồng…

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 28.708 ha (tăng 3.689 ha so với kỳ trước, tăng 11.747 ha so với CKNT), nhiễm nặng 31 ha, phòng trừ 8.684 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa -Vũng Tàu, Gia Lai, Lâm Đồng…

***- Sâu đục thân cành:*** Diện tích nhiễm 1.587 ha (tăng 617 ha so với kỳ trước, tăng 222 ha so với CKNT). Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Gia Lai, Lâm Đồng…

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Kiểm tra và chỉ đạo công tác phòng chống SVGH trên lúa và các cây trồng khác các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tập trung theo dõi chặt tình hình rây nâu, bệnh đạo ôn hái trà lúa Đông Xuân; theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Đông – Xuân muộn “né rầy” hiệu quả. Lấy mẫu, kiểm tra, xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus VL, LXL phục vụ công tác chỉ đạo.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn và công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ;

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ thực hiện tốt công văn 3618/BVTV-TV ngày 24/12/2018 về việc theo dõi và phòng chống SVGH cây điều; đồng thời chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng;…

- Chỉ đạo các tỉnh phía Bắc theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết; hướng dẫn nông dân các biện pháp chăm sóc và phòng chống rét cho mạ; chủ động các biện pháp diệt chuột, ốc bươu vàng ngay từ đầu vụ.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Trên lúa**

***a) Các tỉnh Bắc bộ***

Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm tiếp tục vũ hóa, bệnh đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng, ốc bươu vàng, chuột, tuyến trùng rễ….hại cục bộ.

***b) Các tỉnh Bắc Trung bộ***

Chuột, OBV, bệnh đạo ôn… tiếp tục phát sinh gây hại trên mạ và lúa mới sạ.

**c) *Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh đen lép hạt,... gây hại cục bộ trên lúa Mùa giai đoạn ngậm sữa đến thu hoạch; ruồi đục nõn, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá, sâu cuốn lá nhỏ,... hại nhẹ rải rác trên lúa Đông Xuân sớm giai đoạn mạ đến đẻ nhánh; Chuột, OBV gây hại nhẹ.

***d) Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

- Rầy nâu: tuần tới, rầy nâu phổ biến trưởng thành, trứng. Những khu vực chuẩn bị xuống giống lúa Đông Xuân muộn tiếp tục theo dõi chặt diễn biến rầy nâu vào đèn, xuống giống tập trung “né rầy” theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp tại địa phương để đạt hiệu quả nhất.

- Bệnh đạo ôn: tiếp tục phát triển và gây hại trên trà lúa Đông Xuân sớm giai đoạn lúa đẻ nhánh và lúa Mùa giai đoạn đòng trỗ trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh phát triển.

- Ngoài ra, cần lưu ý các đối tượng OBV trên lúa giai đoạn sạ, đặc biệt là các chân ruộng trũng không tiêu thoát nước; bệnh bạc lá, chuột, bệnh đen lép hạt, sâu cuốn lá nhỏ gây hại ở giai đoạn trỗ đến chín. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại thấp.

**1.2. Trên cây trồng khác**

- **Trên cây ngô và rau, màu**: bệnh huyết dụ, bệnh lùn sọc đen, sâu đục thân có xu hướng gây hại tăng, các đối tượng như sâu xám, sâu cắn lá,chuột, bệnh đốm lá, … gây hại nhẹ trên cây ngô; bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang, bọ trĩ, rệp, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn vi khuẩn... gây hại nhẹ đến trung bình trên rau màu; Bệnh xoăn lá virus cà chua, bệnh sưng rễ...tiếp tục gây hại ở Lâm Đồng.

**- Cây ăn quả có múi** (cam, quýt, bưởi):Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh sẹo, bệnh rụng quả ... tiếp tục gây hại trên các vườn cây già cỗi chăm sóc kém và phòng trừ không tốt.

**- Cây nhãn, vải:** Nhện lông nhung, sâu đo … gây hại nhẹ; bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại tại các tỉnh phía Nam.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp, bệnh phồng lá ... tiếp tục gây hại.

**- Cây mía**: Bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch.

**- Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại tại Tây Ninh, Long An, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Hồ Chí Minh, Phú Yên, Gia Lai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Lâm Đồng; rệp sáp bột hồng có khả năng tái xuất hiện và gây hại tại các địa phương đã từng phát hiện trước đây.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu:** Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cây nhiễm bệnh chưa được phòng trừ.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh thán thư, bệnh khô cành...gia tăng hại.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn sâu chuyển vụ như sâu đục thân 2 chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ. Hướng dẫn nông dân phòng trừ ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn ở những nơi có mật độ và tỷ lệ hại cao.

- Hướng dẫn nông dân chủ động chống rét cho mạ và lúa mới gieo. Không xuống giống vào những ngày rét đậm, rét hại; Tiếp tục hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình trình kỹ thuật quản lý bệnh lùn sọc đen, tiêu hủy triệt để nguồn bệnh lùn sọc đen trên đồng ruộng.

- Kiểm tra, rà soát để phát hiện sớm bệnh khảm lá hại sắn. Kịp thời khoanh vùng và áp dụng các biện pháp phòng chống triệt để theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT nếu phát hiện.

- Tiếp tục theo dõi xác định địa điểm đẻ trứng của châu chấu tre lưng vàng để có phương án chủ động phòng chống trong năm 2019.

- Theo dõi SVGH trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp. Tổ chức phun thuốc bảo vệ thực vật phòng, chống cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao.

**2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

***- Trên lúa***

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn... gây hại ở giai đoạn lúa ngậm sữa đến chín; Bọ trĩ, sâu năn, dòi đục nõn, bệnh đạo ôn lá... gây hại trên lúa Đông Xuân ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

+ Tổ chức ra quân diệt chuột, OBV. Theo dõi trưởng thành vào đèn để làm tốt công tác dự tính dự báo SVGH, chủ động xây dựng phương án chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ tốt sản xuất ngay từ đầu vụ.

***- Trên cây sắn***

+ Bệnh khảm lá sắn: Đề nghị các tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá hại sắn; công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ. Áp dụng các biện pháp phòng chống phù hợp theo qui trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật; kịp thời tiêu hủy nguồn bệnh, phun trừ bọ phấn, sản xuất giống sạch bệnh, ngăn chặn vận chuyển giống đã nhiễm bệnh. Chuẩn bị nguồn giống sạch bệnh cho sản xuất.

+ Rệp sáp bột hồng: hướng dẫn xử lý triệt để những diện tích đã nhiễm rệp sáp bột hồng đang phát sinh ở Phú Yên. Theo dõi diến biến RSBH tại các tỉnh trồng sắn.

- ***Trên cây công nghiệp***: Theo dõi và chỉ đạo phòng chống bọ xít muỗi trên cà phê chè ở Lâm Đồng, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt...trên cà phê; Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng hại rễ...trên cây tiêu; Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh thán thư, bệnh khô cành,... hại trên cây điều.

- ***Trên cây ăn quả***: Theo dõi diễn biến bệnh đốm nâu, thối rễ tóp cành, thối quả,... hại trên cây thanh long; Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...hại trên cây sầu riêng.

- ***Trên cây mía***: Tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống và xử lý bệnh trắng lá mía ở các tỉnh Khánh Hòa, Gia Lai theo quy trình của Cục BVTV, tránh để lây lan diện rộng.

Tổ chức phòng chống kịp thời những diện tích có mật độ sâu và tỷ lệ bệnh cao, hạn chế lây lan diện rộng.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

***- Trên lúa:***

 + Theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng SVGH trên lúa Đông Xuân 2018 - 2019. Tăng cường theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy nâu nâu, kiểm tra tỷ lệ rầy mang mầm bệnh trên đồng ruộng nhằm quản lý tốt rầy nâu trên đồng rộng và hạn chế khả năng di trú truyền virus gây bệnh VL, LXL cho lúa Đông Xuân muộn.

+ Những khu vực chuẩn bị xuống giống lúa Đông Xuân còn lại cần theo dõi lịch xuống giống ở địa phương, đảm bảo xuống giống né rầy. Chú ý làm tốt vệ sinh đồng ruộng, áp dụng kỹ thuật canh tác lúa “3 giảm 3 tăng”, “Công nghệ sinh thái” để giảm thiểu tối đa việc phun thuốc, tránh sự bộc phát dịch hại ở giai đoạn sau.

Tiếp tục theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn để điều chỉnh lịch xuống giống Đông Xuân cho phù hợp.

***- Trên cây sắn:*** Theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy kịp thời, triệt để các diện tích bị nhiễm bệnh nặng. Đồng thời, theo dõi diễn biến rệp sáp bột hồng trên sắn.

Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ; áp dụng các biện pháp phòng chống phù hợp theo qui trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật; kịp thời tiêu hủy nguồn bệnh, phun trừ bọ phấn, sản xuất giống sạch bệnh, ngăn chặn vận chuyển và sử dụng giống đã nhiễm bệnh.

- ***Trên cây hồ tiêu***: Các tỉnh tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo kịp thời tình hình SVGH nhất là diện tích nhiễm bệnh chết nhanh, chết chậm để có biện pháp hướng dẫn phòng trừ kịp thời.

***- Trên cây điều:*** Các tỉnh trồng điều thực hiện tốt công tác theo dõi và phòng chống SVGH cây điều theo hướng dẫn tại công văn số 3618/BVTV-TV ngày 24/12/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV vùng tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kìm cung cấp cho các tỉnh. Chỉ đạo các tỉnh trong cả nước thực hiện Chỉ thị 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt và văn bản số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục BVTV;- Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);- Trung tâm BVTV vùng;- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;- Báo NNVN; Đài VTC16;- Lưu: VT, BVTV.  | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

 | 369**KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

 *(Từ ngày 05/01/2019 đến ngày 10/01/2019*)

| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | **DTN nhiễm so** | **Diện tích phòng trừ (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 31.939 | 31.874 | 65 | 0,0 | 12.098 | 17.655 | 280 | KG, LA, ĐT, TG, HG, VL, ST |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 4.514 | 4.514 | 0 | 0,0 | 95 | -1.377 |  | BL, ST, KG, CM, ĐN, LA, TG |
| 3 | Rầy hại lúa | 31.084 | 30.423 | 661 | 0,0 | 6.567 | 17.206 | 410 | ST, BL, AG, HG, TG, ĐT, VL |
| 4 | Sâu đục thân  | 1.552 | 1.552 | 0 | 0,0 | 1.239 | 1.253 | 78 | ST, BL, ĐT, TN |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 6.343 | 6.333 | 10 | 0,0 | 2.347 | 2.841 | 34 | KG, LA, ĐT, TG, VL, BL, HG |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 6.439 | 6.439 | 0 | 0,0 | 2.900 | -5.080 |  | BL, ST, ĐT, CM, VL, ĐNA, KG |
| 7 | Chuột hại lúa | 2.889 | 2.883 | 6 | 0,0 | 1.423 | 124 | 134 | BL, ĐN, CM, HG, LA, KG, ĐT |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 3.305 | 3.262 | 43 | 0,0 | 877 | -2.943 | 3.102 | LA, ST, HG, BL, ĐN, HCM, KG |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 3.211 | 3.211 | 0 | 0,0 | 2.873 | -14 |  | BL, ST, VL, TG, TNI, CT, ĐN, LĐ |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 7.847 | 7.847 | 0 | 0,0 | 1.140 | -1.863 | 72 | BL, ST, KG, ĐT, TG, CM, AG |
| 11 | Chổi rồng nhãn | 4.354 | 3.676 | 678 | 0 | 22 | -1.060 |  | VL, CT, ST, TG, BT, HG, ĐN, VT, ĐT |
| 12 | Bệnh đốm nâu thanh long | 3.321 | 3.317 | 4 | 0 | -34 | -151 | 2.635 | LA, TG, ĐN, VT, BTH |
| 13 | Bệnh Greening cây có múi | 2.975 | 2.876 | 99 | 0 | 150 | 321 |  | VL, TG, ST, HG, KG, N.An |
| 14 | Bọ cánh cứng hại dừa | 9.907 | 9.063 | 844 | 0,0 | -5 | -526 |  | BT, CM, TV, ST, TG, KG, HG, HCM |
| 15 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.195 | 3.596 | 598 | 0,00 | -298 | -2.016 | 674 | Glai, Đ.Lăk, Đ.Nông, LĐ |
| 16 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 3.874 | 2.862 | 1.011 | 0,00 | -1.242 | -2.385 | 724 | K.Hòa, GL, ĐLk, ĐN, LĐ, ĐN, VT,… |
| 17 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 1.797 | 1.644 | 153 | 0,00 | -717 | -711 | 871 | KH, BTh, GL, ĐLk, ĐN, LĐ |
| 18 | Bệnh khô cành cà phê | 13.592 | 13.519 | 73 | 0 | 668 | -1.442 | 11.797 | G.Lai, Đ.Lăk, L.Đồng |
| 19 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 9.270 | 9.240 | 30 | 0 | 50 | -262 | 10.789 | G.Lai, Đ.Lăk |
| 20 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 3.500 | 2.650 | 850 | 0,00 | -613 | 3.500 | 2.650 | L.Đồng |
| 21 | Bọ xít muỗi hại chè | 2.045 | 2.045 | 0 | 0 | -8 | -577 | 1.831 | PT, TN, YB, LĐ, GL |
| 22 | Bọ xít muỗi hại điều | 21.714 | 21.708 | 6 | 0,0 | 598 | 1.600 | 9.071 | BP, ĐN, VT, BTh, GL, LĐ |
| 23 | Bệnh thán thư hại điều | 28708,3 | 28.677 | 31 | 0,0 | 994 | 12374,3 | 8.684 | BP, ĐN, VT, BTh, GL, LĐ |
| 24 | Sâu đục thân/cành điều | 1587 | 1.587 | 0 | 0,0 | 617 | 222 |  | G.Lai, L.Đồng |
| 25 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 18.779 | 11.973 | 6.806 | 0,0 | 913 | 11.639 | 143 | TN, BP, BD, HCM, ĐN, LA, VT, PY, NTh, BTh, GL, ĐLăk, KTum, LĐồng |
| 26 | Bệnh chồi cỏ mía | 1050 | 609,5 | 440,5 | 0 | 0 | -2185 |  | Nghệ An |
| 27 | Bệnh trắng lá mía | 986,4 | 879,1 | 107,3 | 0 | -71,5 | 889,4 | 224 | G.Lai |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**